

(đã cho ở tiết TLV tuần 7).

**Bài 2:** Đọc lại toàn bộ đoạn văn trong truyện Vào nghề mà em vừa hoàn chỉnh và cho biết.

+ Các đoạn văn được sắp xếp theo trình tự nào?

+ Các câu mở đoạn đóng vai trò gì trong việc thể hiện trình tự ấy?

**Bài 3:** Kể lại một truyện em đã học....  
(hs năng khiếu)

- Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm.

- Gọi HS tham gia thi kể chuyện. HS chưa kể theo dõi, nhận xét xem câu chuyện bạn kể đã đúng trình tự thời gian chưa?

- Nhận xét, khen/ động viên.

**3. Hoạt động ứng dụng (1p)**

**4. Hoạt động sáng tạo (1p)**

VD: Đoạn 1:

**Mở đầu:** Tết Nô-en năm ấy, cô bé Va-li-a 11 tuổi được bố mẹ đưa đi xem xiếc./ Tết ấy, Va-li-a tròn 11 tuổi, bố mẹ cho đi xem xiếc.

- Đoạn 2,3,4 hs làm tương tự.

- 1 hs đọc thành tiếng.

- 2HS ngồi cùng bàn thảo luận và trả lời trả lời câu hỏi.

+ Các đoạn văn được sắp xếp theo trình tự thời gian.

+ Các câu mở đoạn giúp nối đoạn văn trước với đoạn văn sau bằng các cụm từ chỉ thời gian.

- 1 hs đọc thành tiếng.

Em kể câu chuyện:

+ Dế Mèn bênh vực kẻ yếu.

+ Lời ước dưới trăng.

+ Ba lưỡi diều.

+ Sự tích hồ Ba Bể.

+ Người ăn xin,...

- 4 HS ngồi 2 bàn trên dưới thành 1 nhóm. Khi 1 HS kể thì các em khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho bạn.

- 7-10 HS tham gia kể chuyện.

- Kể lại các câu chuyện cho người thân nghe.

- Suy tầm và kể các câu chuyện ngoài chương trình SGK theo trình tự thời gian.

## ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....  
.....  
.....

## KHOA HỌC (VNEN)

### ĂN UỐNG THẾ NÀO KHI BỊ BỆNH?

---

---

.....

.....

.....

## KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

### ĂN UỐNG KHI BỊ BỆNH

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức**

- Nhận biết người bệnh cần được ăn uống đủ chất, chỉ một số bệnh phải ăn kiêng theo chỉ dẫn của bác sĩ.

##### **2. Kỹ năng**

- Biết ăn uống hợp lý khi bị bệnh.

- Biết cách phòng chống mất nước khi bị tiêu chảy: pha được dung dịch o-rê-dôn hoặc chuẩn bị nước cháo muối khi bản thân hoặc người thân bị tiêu chảy.

##### **3. Thái độ**

- Có ý thức ăn uống hợp lý để nhanh khỏi bệnh; quan tâm, chăm sóc người bệnh

##### **4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

#### II. CHUẨN BỊ :

##### **1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh họa trang 34, 35 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng lớp ghi sẵn các câu thảo luận.

+ Phiếu ghi sẵn các tình huống.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: Một gói dung dịch ô- rê- dôn, một nắm gạo, một ít muối, cốc, bát và nước.

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

##### **1. Khởi động (5p)**

+ *Những dấu hiệu nào cho biết khi cơ thể khoẻ mạnh hoặc lúc bị bệnh ?*

+ *Khi bị bệnh cần phải làm gì ?*

- GV nhận xét, khen/ động viên.

- TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét

+*Khi khoẻ mạnh ta cảm thấy thoải mái, dễ chịu; khi bị bệnh có thể có những dấu hiệu...*

+ *Khi trong người cảm thấy khó chịu và không bình thường phải báo ngay cho cha mẹ...*

##### **2. Bài mới: (30p)**

\* **Mục tiêu:** - Nhận biết người bệnh cần được ăn uống đủ chất, chỉ một số bệnh phải ăn kiêng theo chỉ dẫn của bác sĩ.

- Biết cách phòng chống mất nước khi bị tiêu chảy: pha được dung dịch o-rê-dôn hoặc chuẩn bị nước cháo muối khi bản thân hoặc người thân bị tiêu

---

---

chảy.

**\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp**

**HD1: Chế độ ăn uống khi bị bệnh.**

- Yêu cầu HS quan sát hình minh họa trang 34, 35 /SGK thảo luận và trả lời các câu hỏi:

+ Khi bị các bệnh thông thường ta cần cho người bệnh ăn các loại thức ăn nào?

+ Đối với người bị ốm nặng nên cho ăn món đặc hay loãng? Tại sao?

+ Đối với người ốm không muốn ăn hoặc ăn quá ít nên cho ăn thế nào?

+ Đối người bệnh cần ăn kiêng thì nên cho ăn như thế nào?

+ Làm thế nào để chống mất nước cho bệnh nhân bị tiêu chảy, đặc biệt là trẻ em?

- GV nhận xét, tổng hợp ý kiến của các nhóm HS.

- Gọi 2 HS đọc mục Bạn cần biết.

**HD2: Thực hành pha dung dịch Ô-rê-dôn và chuẩn bị vật liệu nấu cháo muối**

**Bước 1:**

- Yêu cầu HS xem kỹ hình minh họa trang 35 / SGK

- GV gọi 2 HS: một HS đọc câu hỏi của bà mẹ đưa con đến khám và một HS đọc câu trả lời của bác sĩ.

+ Bác sĩ đã khuyên người bị bệnh cần ăn uống như thế nào ?

**Bước 2: Tổ chức và hướng dẫn.**

- GV yêu cầu các nhóm báo cáo về đồ dùng đã chuẩn bị.

- Yêu cầu HS thực hành:

+ Đối với nhóm pha dung dịch ô-rê-

**Nhóm 4 - Lớp**

- HS thảo luận và trả lời câu hỏi.

- TBHT điều hành hoạt động báo cáo.

+ Thức ăn có chứa nhiều chất như: Thịt, cá, trứng, sữa, uống nhiều chất lỏng có chứa các loại rau xanh, hoa quả, đậu nành.

+Thức ăn loãng như cháo thịt băm nhỏ, cháo cá, cháo trứng, nước cam vắt, nước chanh, sinh tố. Vì những loại thức ăn này dễ nuốt trôi, không làm cho người bệnh sợ ăn.

+ Ta nên dành, động viên họ và cho ăn nhiều bữa trong một ngày.

+ Tuyệt đối phải cho ăn theo hướng dẫn của bác sĩ.

+Để chống mất nước cho bệnh nhân tiêu chảy, đặc biệt là trẻ em vẫn phải cho ăn bình thường, đủ chất, ngoài ra cho uống dung dịch ô- rê- dôn, uống nước cháo muối.

- 2 HS đọc.

- HS lắng nghe.

**Nhóm – Lớp**

- 2 HS thực hành theo hướng dẫn của GV

+ Phải cho cháu uống dung dịch ô- rê- dôn hoặc nước cháo muối.

- HS nhắc lại lời khuyên của bác sĩ.

- 3 đến 6 nhóm lên trình bày.

<p>dôn, cần đọc kĩ hướng dẫn cách pha trên gói và làm theo hướng dẫn.</p> <p>+ Đối với nhóm chuẩn bị vật liệu nấu cháo muối thì quan sát chỉ dẫn ở hình 7 và làm theo hướng dẫn (không yêu cầu nấu cháo)</p> <p>- GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.</p> <p>- GV nhận xét, khen các nhóm làm đúng các bước và trình bày lưu loát.</p> <p><i>* GV: Người bị tiêu chảy mất rất nhiều nước. Do vậy ngoài việc người bệnh vẫn ăn bình thường, đủ chất dinh dưỡng chúng ta cần cho họ uống thêm nước cháo muối và dung dịch ô- rê- dôn để chống mất nước.</i></p> <p><b>Hoạt động 3: Trò chơi: Em tập làm bác sĩ.</b></p> <p>- GV tiến hành cho HS thi đóng vai.</p> <p>- Phát phiếu ghi tình huống cho mỗi nhóm.</p> <p>- Yêu cầu các nhóm cùng thảo luận tìm cách giải quyết, tập vai diễn và diễn trong nhóm. HS nào cũng được thử vai.</p> <p>- GV gọi các nhóm lên thi diễn.</p> <p>- GV nhận xét khen cho nhóm diễn tốt nhất.</p> <p><b>3. Hoạt động ứng dụng (1p)</b></p> <p><b>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<p>- Một vài nhóm lên trình bày sản phẩm thực hành và cách làm. Các nhóm khác theo dõi, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p> <p style="text-align: center;"><b>Nhóm – Lớp</b></p> <p>- Nhận tình huống và suy nghĩ cách diễn.</p> <p>- HS trong nhóm tham gia giải quyết tình huống. Sau đó cử đại diện để trình bày trước lớp.</p> <p>- Thực hành nấu cháo tại nhà</p> <p>- Nêu cách chế biến một món ăn ngon cho người bị bệnh</p>
---	--

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 26 tháng 10 năm 2018

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DẤU NGOẶC KÉP**

**I. MỤC TIÊU:**



## 1. Kiến thức

- Nắm được tác dụng của dấu ngoặc kép, cách dùng dấu ngoặc kép (ND Ghi nhớ).

## 2. Kỹ năng

- Biết vận dụng những hiểu biết đã học để dùng dấu ngoặc kép trong khi viết (mục III).

## 3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài..

## 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

\* *GD tư tưởng Hồ Chí Minh: Bác Hồ là tám gương cao đẹp trọn đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân*

## II. CHUẨN BI:

### 1. Đồ dùng

- GV: + Tranh minh họa trong SGK trang 84 hoặc tập truyện Trạng Quỳnh.

+ Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 3.

+ Bảng lớp viết sẵn nội dung bài tập 1 phần Nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

### 2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<b>1. Khởi động (5p)</b> + <i>Nêu quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài</i>  + <i>Lấy VD minh họa</i> - Dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời-nhận xét + <i>Viết hoa tất cả các chữ cái đầu của mỗi bộ phận, dùng gạch nối giữa các tiếng của mỗi bộ phận</i> + <i>Viết như tên người, tên địa lí VN với các tên nước ngoài phiên âm Hán Việt</i> + 3 HS lên bảng lấy VD
<b>2. Hình thành KT (15p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> Nắm được tác dụng của dấu ngoặc kép, cách dùng dấu ngoặc kép * <b>Cách tiến hành:</b>	
<b>a. Nhận xét:</b> <b>Bài 1:</b> <i>Những từ ngữ và câu đặt trong</i> ... - Gọi 1 HS đọc yêu cầu và đoạn văn. Lớp theo dõi.  + <i>Những từ ngữ và câu nào được đặt trong dấu ngoặc kép?</i>	<b>Cá nhân – Nhóm 2- Lớp</b>  - 1 HS đọc –HS lên bảng gạch chân các câu, từ ngữ đặt trong dấu ngoặc kép - Thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi: + <i>Từ ngữ: “Người lính tuân lệnh quốc dân ra mặt trận”, “đầy tớ trung thành của nhân dân”.</i> + <i>Câu: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước</i>

+ Những từ ngữ và câu văn đó là của ai?

+ Những dấu ngoặc kép dùng trong đoạn văn trên có tác dụng gì?

- Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu chỗ trích dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật. Lời nói đó có thể là một từ hay một cụm từ như: “*người lính vâng lệnh quốc dân ra mặt trận*” hay trọn vẹn một câu “*Tôi chỉ có một...hoc hành*” hoặc cũng có thể là một đoạn văn.

- *Liên hệ giáo dục: Bác Hồ chính là tấm gương sáng về người công dân mẫu mực, hết lòng vì nước,, vì dân. Chúng ta cần noi theo tấm gương của Bác*

### **Bài 2:**

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu

- Yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi:

+ Khi nào dấu ngoặc kép được dùng độc lập.

+ Khi nào dấu ngoặc kép được dùng phối hợp với dấu 2 chấm?

**\*GV:** *Dấu ngoặc kép được dùng độc lập khi lời dẫn trực tiếp chỉ là một từ hay cụm từ. Nó được dùng phối hợp với dấu hai chấm khi lời dẫn trực tiếp là một câu trọn vẹn hay một đoạn văn.*

### **Bài 3:**

- Gọi 1 HS đọc yêu cầu

+ Em biết gì về con tắc kè?

+ Từ “lầu” chỉ cái gì?

*ta, hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.”*

+ Những từ ngữ và câu đó là lời của Bác Hồ.

+ Dấu ngoặc kép dùng để dẫn lời nói trực tiếp của Bác Hồ.

- Lắng nghe.

- HS lắng nghe

### **Nhóm 2 – Lớp**

- HS đọc thành tiếng.

- 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận và trả lời câu hỏi.

+ Dấu ngoặc kép được dùng độc lập khi lời dẫn trực tiếp chỉ là một cụm từ như: “*Người lính tuân lệnh quốc dân ra mặt trận*”.

+ Dấu ngoặc kép được dùng phối hợp với dấu hai chấm khi lời dẫn trực tiếp là một câu trọn vẹn như lời nói của Bác Hồ: “*Tôi chỉ có một sự ham muốn được học hành*”

- Lắng nghe.

### **Cá nhân – Lớp**

+ Tắc kè là loài bò sát giống thằn lằn, sống trên cây to. Nó thường kêu tắc kè. Người ta hay dùng nó để làm thuốc.

+ “lầu” chỉ ngôi nhà tầng cao, to, sang trọng, đẹp đẽ.

<p>+ Tắc kè hoa có xây được “lầu” theo nghĩa trên không?  + Từ “lầu” trong khổ thơ được dùng với nghĩa gì?  + Dấu ngoặc kép trong trường hợp này được dùng làm gì?</p> <p><i>* GV: Tác giả gọi cái tổ của tắc kè bằng từ “lầu” để đề cao giá trị của cái tổ đó. Dấu ngoặc kép trong trường hợp này dùng để đánh dấu từ “lầu” là từ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.</i></p> <p><b>b. Ghi nhớ:</b></p>	<p>+Tắc kè xây tổ trên cây, tổ tắc kè bé, nhưng không phải “lầu” theo nghĩa trên.  +Từ “lầu” nói các tổ của tắc kè rất đẹp và quý.  +Đánh dấu từ “lầu” dùng không đúng nghĩa với tổ của con tắc kè.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- 3 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm theo để thuộc ngay tại lớp.  - Lấy VD minh họa (HSNK)</p>
<p><b>3. Hoạt động thực hành (18p)</b></p> <p><i>* Mục tiêu:</i> Biết vận dụng những hiểu biết đã học để dùng dấu ngoặc kép trong khi viết</p> <p><i>* Cách tiến hành:</i></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <p>- Tìm lời nói trực tiếp trong đoạn văn sau.  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.</p> <p>- Chốt đáp án.  + Dấu ngoặc kép dùng để làm gì?</p> <p><b>Bài 2:</b> Có thể đặt những lời nói trực tiếp trong đoạn ...  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.</p> <p><i>*GV: Đề bài của cô giáo và câu văn</i></p>	<p><b>Nhóm 2- Lớp</b></p> <p>- Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS thảo luận cặp đôi, gạch chân dưới lời nói trực tiếp.  - Gọi 1, 2 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Đ/a:  - “Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?”  - “Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ. Em quét nhà và rửa bát đĩa. Đôi khi, em giặt khăn mùi soa.”</p> <p>+ Dùng đánh dấu lời nói trực tiếp (đi kèm dấu hai chấm)</p> <p><b>Cá nhân – Lớp</b></p> <p>- Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS nối tiếp nêu ý kiến cá nhân</p> <p>Đ/a:  -Những lời nói trực tiếp trong đoạn văn không thể viết xuống dòng đặt sau dấu gạch đầu dòng. Vì đây không phải là lời nói trực tiếp giữa hai nhân vật đang nói chuyện.</p>

*của HS không phải là dạng hội thoại trực tiếp nên không thể viết xuống dòng, đặt sau dấu gạch đầu dòng được. Đây là điểm mà chúng ta thường hay nhầm lẫn trong khi viết.*

**Bài 3:** Em đặt dấu ngoặc...

- a)- Gọi HS nhận xét bài của bạn trên bảng, chữa bài  
- Kết luận lời giải đúng.

+ *Tại sao từ “vôi vữa” được đặt trong dấu ngoặc kép?*

- b). Tiến hành tương tự như phần a

**4. Hoạt động ứng dụng (1p)**

**5. Hoạt động sáng tạo (1p)**

- Lắng nghe.

**Cá nhân –Nhóm 2 – Lớp**

- HS đọc yêu cầu và nội dung.  
- Gọi 1 HS lên bảng làm, HS dưới lớp trao đổi, đánh dấu bằng chì vào SGK.

Đ/a:

Con nào con nấy hết sức tiết kiệm “vôi vữa”.

+ *Vì từ “vôi vữa” ở đây không phải có nghĩa như vôi vữa con người dùng. Nó có ý nghĩa đặc biệt.*

- Lời giải: “trường thọ”, “đoản thọ”.

- Ghi nhớ cách sử dụng dấu ngoặc kép  
- Lấy VD một số trường hợp dấu ngoặc kép dùng đánh dấu một số từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt.

## ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....  
.....  
.....

## TOÁN

### *Tiết 40: GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT*

#### I. MỤC TIÊU

##### **1. Kiến thức**

- Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt (bằng trực giác hoặc sử dụng ê ke).

##### **2. Kỹ năng**

- HS xác định, vẽ được góc vuông, góc nhọn, góc tù..

##### **3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, làm việc nhóm tích cực

##### **4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (chọn 1 trong 3 ý)

#### II. CHUẨN BỊ:



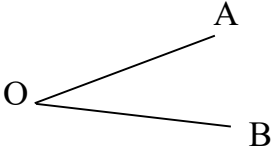
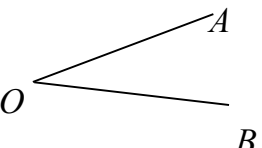
## 1. Đồ dùng

- GV: Thước thẳng, ê ke (dùng cho GV và cho HS)
- HS: Vở BT, bút, ê-ke

## 2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<b>1. Khởi động: (5p)</b>  - GV dẫn vào bài mới	- HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN
<b>2. Hình thành kiến thức mới: (15p)</b> <b>* Mục tiêu:</b> Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt (bằng trực giác hoặc sử dụng ê ke). <b>* Cách tiến hành:</b> Cá nhân-Nhóm – Lớp	
<b>a. Giới thiệu góc nhọn,</b> - GV vẽ lên bảng góc nhọn AOB như phần bài học SGK. + Hãy đọc tên góc, tên đỉnh và các cạnh của góc này. - GV giới thiệu: Góc này là góc nhọn.  + Hãy dùng ê ke để kiểm tra độ lớn của góc nhọn và cho biết góc này lớn hơn hay bé hơn góc vuông.  <b>*GV: Góc nhọn bé hơn góc vuông.</b>  - GV có thể yêu cầu HS vẽ 1 góc nhọn (Lưu ý HS sử dụng ê ke để vẽ góc nhỏ hơn góc vuông).	- HS quan sát hình. + Góc đỉnh O, hai cạnh OA và OB. - HS: Góc nhọn  - 1 HS lên bảng kiểm tra, cả lớp theo dõi, sau đó kiểm tra góc trong SGK: Góc nhọn đỉnh O, hai cạnh OA và OB.  - 1 HS vẽ trên bảng, HS cả lớp vẽ vào giấy nháp.
<b>b. Giới thiệu góc tù</b> - GV vẽ lên bảng góc tù đỉnh O, hai cạnh OM và ON như SGK. + Hãy đọc tên góc, tên đỉnh và các cạnh của góc. - Góc MON này là góc tù. - GV: Hãy dùng ê ke để kiểm tra độ lớn của góc tù này và cho biết góc này lớn	- HS quan sát hình. + HS: Góc đỉnh O và hai cạnh OM và ON. - HS: Góc tù - 1HS lên bảng kiểm tra. KL: Góc tù lớn hơn góc vuông.

hơn hay bé hơn góc vuông.

\* **GV** Góc tù lớn hơn góc vuông.

- GV có thể yêu cầu HS vẽ 1 góc tù (Lưu ý HS sử dụng ê ke để vẽ góc lớn hơn góc vuông)

**c. Giới thiệu góc bẹt**

- GV vẽ lên bảng góc bẹt đỉnh O và hai cạnh OC và OD

+ *Hãy đọc tên góc, tên đỉnh và các cạnh của góc.*

- GV vừa vẽ hình vừa nêu: Tăng dần độ lớn của góc COD, đến khi hai cạnh OC và OD của góc COD “thẳng hàng” (cùng nằm trên một đường thẳng) với nhau. Lúc đó góc COD được gọi là góc bẹt.

+ *Các điểm C, O, D của góc bẹt đỉnh O, cạnh OC và OD như thế nào với nhau?*

- GV yêu cầu HS sử dụng ê ke để kiểm tra độ lớn của góc bẹt so với góc vuông.

- GV yêu cầu HS vẽ và gọi tên 1 góc bẹt.

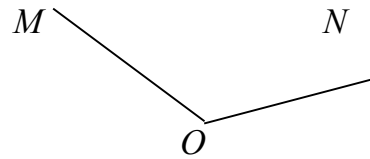
\***GV:** Góc bẹt bằng 2 góc vuông

**3. Hoạt động thực hành: (15p)**

\* **Mục tiêu:** - Xác định được góc nhọn, góc tù, góc vuông bằng trực giác hoặc ê-ke.

\* **Cách tiến hành:**

**Bài 1:** Tìm các góc sau đây. Góc nào là góc vuông, góc tù, góc nhọn, góc bẹt.



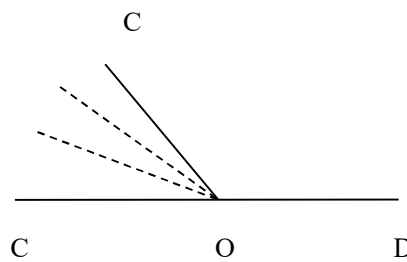
- 1 HS vẽ trên bảng, HS cả lớp vẽ vào giấy nháp.

- HS quan sát hình.

+ *Góc đỉnh O, cạnh OC và OD.*

- HS quan sát, theo dõi thao tác của GV.

- HS: Góc bẹt



+ *Cùng nằm trên 1 đường thẳng*

- HS kiểm tra. KL: Góc bẹt bằng 2 góc vuông

- Thực hành cá nhân- Chia sẻ nhóm 2

**- Cá nhân- Nhóm 2- Chia sẻ lớp**

- Hs đọc yêu cầu bài

- HS thảo luận nhóm.

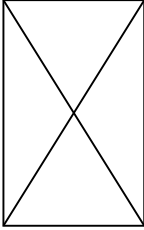
Đ/a:

+ Các góc nhọn là: góc đỉnh A, cạnh AM, AN; góc đỉnh D, cạnh DU, DV.

+ Các góc vuông là: góc đỉnh C, cạnh CI, CK.

+ Các góc tù là: góc đỉnh B, cạnh BP, BQ; góc đỉnh O, cạnh OG, OH.

+ Các góc bẹt là: góc đỉnh E, cạnh EX,

<p>- Gọi HS nhận xét, bổ sung, chữa bài (nếu cần)</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án.</p> <p>+ So sánh góc nhọn, góc bẹt, góc tù với góc vuông?</p> <p><b>Bài 2</b></p> <p>- Yêu cầu HS dùng ê ke kiểm tra góc và báo cáo kết quả trong nhóm 4 sau đó thảo luận, thống nhất kết quả và trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV nhận xét, có thể yêu cầu HS nêu tên từng góc trong mỗi hình tam giác và nói rõ đó là là góc nhọn, góc tù và góc bẹt?</p> <p><b>4. HĐ ứng dụng (1p)</b></p> <p>- Kiểm tra một góc là góc nhọn, góc tù và góc bẹt như thế nào?</p> <p><b>5. HĐ sáng tạo (1p)</b></p> <p>* <b>Bài tập chờ:</b> Điền vào chỗ trống:</p> <p>a. Hình bên có .... góc vuông? Đó là các góc:...</p> <p>b. Hình bên có ....góc nhọn? Đó là góc:....</p> <p>c. Hình bên có ... góc tù? Đó là góc nào?</p>	<p>EY</p> <p>+ Góc nhọn bé hơn góc vuông, góc tù lớn hơn góc vuông, góc bẹt bằng 2 góc vuông</p> <p>- HS làm việc nhóm 4 với ý thứ nhất. Các HSNK làm hết cả bài</p> <p>Đ/a:</p> <p>Hình tam giác ABC có ba góc nhọn.  Hình tam giác DEG có một góc vuông.  Hình tam giác MNP có một góc tù</p> <p>- Ghi nhớ KT về góc nhọn, góc bẹt, góc tù</p> 
---	---

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

.....

.....

.....

**TẬP LÀM VĂN**  
**LUYỆN TẬP PHÁT TRIỂN CÂU CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được trình tự thời gian để kể lại đúng nội dung trích đoạn kịch Ở Vương quốc Tương Lai (bài TĐ tuần 7)-BT1.

**2. Kỹ năng**

- Bước đầu nắm được cách phát triển câu chuyện theo trình tự không gian qua thực hành luyện tập với sự gợi ý cụ thể của GV (BT2, BT3).